

LUẬN VỀ KINH PHẬT ĐỊA QUYỂN 5

Kinh: “Lại như chiếc gương tròn với bề mặt hoàn trong sáng, ở tất cả mọi nơi làm duyên nương tựa cho các ảnh tượng phát khởi rõ ràng...”

Như vậy, trí Đại viên cảnh của Như Lai, không đoạn tuyệt vô lượng những hành thiện trong sáng, làm duyên nương tựa cho hình ảnh các trí phát khởi khắp nơi, đó là ảnh tượng các trí của Thanh văn thừa, ảnh tượng các trí của Độc nhất giác Thừa, ảnh tượng các trí của Đại thừa vô thượng. Vì muốn làm cho những người Thanh văn Thừa nương vào Thanh văn thừa mà giải thoát, người Độc nhất giác nương vào Độc giác Thừa mà giải thoát, người Đại thừa nương vào vô thượng thừa mà giải thoát.”

Luận: Thế nào là một trí, bất cứ khi nào cũng có khả năng phát sinh ảnh tượng các pháp của Nhất thiết trí..., trong ba Thừa?

Giải thích vấn nạn này cho nên nói: Lại như chiếc gương tròn với bề mặt hoàn toàn trong sáng... Như gương tròn của thế gian vì soi khắp cho nên tất cả ảnh tượng đều xuất hiện bề mặt trong sáng của gương, nếu tiếp tục làm thêm các loại trong sáng khắp trước-sau và hai bên của bề mặt chiếc gương ấy, thì ở tất cả mọi giới đều có thể làm duyên hiện rõ tất cả hình ảnh vốn có.

Gương trí cũng vậy, tất cả Như Lai khi còn làm Bồ-tát, tuy có chủng tánh, nhưng vì bị chướng ngại che lấp, cho nên chưa có khả năng sinh khởi tất cả ảnh tượng khắp các pháp của Nhất thiết trí... trong ba Thừa. Sau đó siêng năng tinh tiến tu tập không gián đoạn vô lượng những hành thiện trong sáng. Đến khi định Kim cang dụ hiển hiện trước mắt, rời xa tất cả chướng ngại mà được thanh tịnh viên mãn, có khả năng sinh khởi trí..., của khắp ba Thừa. Tất cả ảnh tượng không gián đoạn thì phương xứ không còn phân chia giới hạn, vô lượng hành thiện đến lúc thành tựu như trải qua vô lượng thời gian.

Đây là nói về phần vị của nhân bao trùm tất cả mọi nơi, trải qua vô lượng thời gian chịu khó tu tập mọi công hạnh, loại bỏ chướng ngại làm cho trí Đại viên cảnh hết sức trong sáng, có thể phát sinh mọi ảnh tượng của trí ba Thừa.

Lại nữa, chính là gương trí trùm khắp nơi chốn, luôn luôn rời xa mọi thứ nhớ bản, các loại hạnh đức đều viên mãn, trang nghiêm và thanh tịnh vô cùng, có khả năng khởi hiện tất cả hình ảnh bất cứ ở đâu và khi nào. Như nói định Kim cang dụ thù thắng đã đoạn tuyệt tất cả các chướng, chứng được trí Đại viên cảnh của Như Lai, các loại công đức đều viên mãn, trang nghiêm với tất cả mọi nơi.

Lại nữa, trong vô lượng thời gian, trí này có thể khởi hiện tất cả ảnh tượng của ba Thừa.

Ở đây ý nói: Mỗi thiện căn riêng biệt được thành thực khác nhau. Khi đạo thù thắng phát sinh trí Đại viên cảnh hoặc-gần, hoặc xa tùy theo sự thích ứng của nó để làm thành duyên mạnh mẽ. Với chủng tánh quyết định, đều dựa vào Thừa của mình mà được xuất ly. Đối với chủng tánh bất định thì hoặc dựa vào Đại thừa, hoặc dựa vào các Thừa khác mà được xuất ly.

Nói xuất ly, tức là Niết-bàn. Những người thuộc ba Thừa thường dùng chủng tánh của mình làm nhân duyên, gương trí của Như Lai làm tăng thượng duyên, siêng năng tinh tiến vận dụng phương tiện tu tập tư lương dẫn dắt phát sinh Thánh đạo, bỏ chướng phiền não và chướng sở tri, tùy theo căn cơ thích hợp, đều chứng được Niết-bàn.

Chủng tánh quyết định Thanh văn và Độc giác đều an trú trong quả vị Vô học, vì ưa cảnh tịch diệt, phát khởi hành nghiệp làm tăng ích cho chướng phiền não nảy sinh đều dứt trừ hết. Phiền não của nghiệp trước đã chiêu cảm nơi thân tâm, đều tùy ý dập tắt, không còn thọ sinh vì không nương tựa nơi nào, tất cả chủng tử của các hành hữu vi-hữu lậu-vô lậu, đều tùy thuận đoạn diệt, chỉ có hành chuyển y không còn tướng hý luận, xa lìa nhớ bản, đạt được pháp giới thanh tịnh của Chân như, thân giải thoát tự tại, gọi là cảnh giới Niết-bàn vô dư y, thường trú yên vui, hoàn toàn tịch diệt, không rơi vào số đông, không thể nghĩ bàn được, đồng với các Như Lai. Nhưng không có được công đức vô lậu, hữu vi để trang nghiêm, không còn tiếp tục thực hành sự nghiệp đem lại lợi ích yên vui cho hữu tình, cho nên không đồng với Như Lai.

Chủng tánh bất định Thanh văn-Độc giác an trú trong quả vị Vô học, tuy không có phiền não, mà ưa Bồ-đề, nhờ nguyện lực của định, để lại thân nối tiếp nhau tu tập hạnh Đại thừa, cho đến chứng được định

Kim cang dụ, tất cả chướng đều diệt, chứng ngộ ba thân Phật. Tuy có công đức vô lậu, hữu vi, nhưng vì không tồn tại thân-tâm hữu lậu, cho nên chứng được cõi đại Niết-bàn vô dư y.

Dựa, nghĩa là thân-tâm hữu lậu của ba cõi. Nếu các Bồ-tát khi đoạn tuyệt hai chướng, đều chứng được hết quả vị Phật, thì được gọi là chứng đại Niết-bàn vô dư y.

Vì vậy, hàng Nhị thừa trước hết phải chứng Niết-bàn hữu dư y, về sau mới tiến vào Niết-bàn vô dư y.

Khi Bồ-tát mới chứng Như Lai địa, thì đã chứng ngộ mau lẹ hai cảnh giới đại Niết-bàn, vì đã dứt sạch hữu lậu của thân-tâm, gọi là vô dư y. Vẫn còn có biến hóa giống như tướng hữu lậu, vì thân-tâm tồn tại gọi là hữu dư y. Vì Bi và Trí không đoạn tuyệt quả vị đã được chứng đắc, cũng gọi là không an trú trong cảnh giới đại Niết-bàn. Niết-bàn tức là nghĩa vĩnh viễn trừ chướng trong Thể Chân như, do tuệ vô lậu chọn lựa chân lý, đoạn tuyệt các tạp nhiễm mà chứng đắc, cũng gọi là Trạch diệt.

Như vậy, trạch diệt ở trong thực tế Chân như, là tạm thời thi thiết mà có chứ không có vật thật sự nào khác đến nơi cuối cùng, gọi là Niết-bàn. Vì không còn mục tiêu hướng đến. Vì không có sự xú uế, do lìa khỏi sự vây buộc, ra khỏi rừng dày đặc, gọi là Niết-bàn.

Thanh văn, Độc giác còn có tập khí của chướng sở tri chưa diệt làm sao chứng được Niết-bàn cuối cùng? Còn tập khí của chướng sở tri là vì không biết chứ không phải là nhiễm ô, chỉ chướng ngại quả Bồ-đề, không chướng ngại Niết-bàn. Vì không có phiền não cho nên không tái sinh. Nếu không có nguyện lực hồi tâm hướng về Đại thừa đến quả vị Vô học, thì khi đã hết số lượng tuổi thọ phải vĩnh viễn nhập tịch diệt.

Kinh: “Như ảnh lớn có thể có được trong gương tròn. Nghĩa là ảnh của tất cả mặt đất, núi lớn, cây to, cung điện, nhà cửa rộng lớn nhưng gương tròn này không giống với phần lượng kia.

Như vậy, trên trí viên cảnh của Như Lai, từ địa Cực hỷ cho địa đến Phật, ảnh của trí có thể có được và cùng với tất cả ảnh của trí thế gian-xuất thế gian có thể có được, nhưng trí viên cảnh không phải là phần lượng của các pháp đó”.

Luận: Nếu trí viên cảnh có thể khởi hiện ảnh tượng của trí thì phải đồng với sự khác biệt của phần lượng kia, có thể có được không?

Giải thích vấn nạn này nên nói: Như ảnh lớn, có thể có được trong gương tròn, nghĩa là ảnh của tất cả mặt đất..., như gương tròn của thế gian, tuy có thể làm duyên để khởi hiện ảnh của mặt đất..., nhưng gương

tròn này không giống với phần lượng kia.

Trong một chiếc gương nhỏ, hiện lên nhiều ảnh to lớn như núi... có thể có được. Đa số ảnh nhỏ như đá... hiện ra trong một tấm gương to, có thể có được. Tuy có hình ngăn ngại, nhưng số lượng của các ảnh lớn-nhỏ đều không giống nhau.

Gương trí cũng như vậy. Tuy khởi hiện ảnh tượng của các trí thế gian, xuất thế gian, không có hình thể ngăn ngại, nhưng không giống với số lượng lớn nhỏ của ảnh trí kia. Do nhân duyên này mà gương trí của chư Phật gọi là kho tàng của Đại Trí, vì nó là căn bản của trí thế gian và xuất thế gian. Như nói: Đức Thế Tôn đã chứng thành gương trí của kho tàng Đại Trí, vì nó có thể sinh ra Nhất thiết trí. Nên biết trong này lấy tên trí để nói đến tất cả công đức, vì gương trí này tương ứng với Thức thanh tịnh, đầy đủ tất cả chủng tử của công đức lợi mình và lợi người. Nó có khả năng làm nhân duyên sinh ra ảnh tượng của trí..., cho chính mình và làm tăng thượng duyên để sinh ra ảnh tượng của trí..., trong thân người khác. Do gương trí này có thể biến hiện thân, sinh ra trí thuyết pháp, và lần lượt sinh ra ảnh của trí..., nơi người khác. Hoặc năng lực Từ Bi, thệ nguyện huân tập mà được hoàn thành, tùy ý để làm duyên tăng thượng cho pháp thiện của trí..., nơi người khác, làm cho pháp thiện của trí..., nơi thân người khác được sinh trưởng dễ dàng.

Vì vậy Kinh: Tất cả chúng sinh vốn có pháp thiện và quả vị thù thắng, đều là do năng lực của Từ Bi và thệ nguyện của Như Lai tăng thượng mà được phát sinh.

Kinh: “Lại như gương tròn là duyên khởi hiện tính chất ảnh tượng chứ không phải là nơi che lấp tính chất ảnh tượng.

Như vậy, trí Đại viên cảnh của Như Lai là duyên khởi hiện trí ảnh của chúng sinh, chứ không phải thuộc về bạn dữ, nghe pháp không chân chánh, làm trở ngại trí ảnh của chúng sinh, vì chúng không phải là pháp khí”.

Luận: Nếu trí Viên cảnh của Như Lai giúp cho ba Thừa đều được xuất ly mà sinh ra ảnh tượng của các trí, cũng do năng lực của Từ Bi-thệ nguyện huân tu mà trở thành tăng thượng duyên xuất sinh ảnh tượng của trí thế gian-xuất thế gian, thì tại sao chánh trí của các ngoại đạo thế gian lại không thể sinh ra nhân duyên thường hòa hợp với trí. Các ngoại đạo... có phải là không điên đảo chăng?

Giải thích vấn nạn này cho nên nói: Lại như gương tròn là duyên khởi hiện tính chất ảnh tượng chứ không phải là nơi che lấp tính chất ảnh tượng... Như chiếc gương tròn của thế gian, tuy có khả năng làm

duyên hiện lên các ảnh tượng, nhưng gương không phải là duyên làm cản trở hình bóng, mà tường vách mới cản trở, tất cả hình bóng.

Gương trí của Như Lai cũng lại như vậy. Tuy có khả năng làm duyên sinh ra ảnh tượng của trí, nhưng không phải thuộc về nơi yêu thích của ác tri thức. Họ ham nghe tà pháp gây cản trở, ảnh của trí làm duyên phát sinh bởi vì tác động của ác tri thức kia chẳng phải là điều có thể thêm sức cho người có lòng nghe chánh pháp. Vì vậy, Thánh đạo không nảy sinh với ngoại đạo, ngoại đạo thường ôm lòng điên đảo, làm tổn thương và phá hư chủng tử của pháp thiện, còn chủng tử của pháp ác thì gặp duyên tốt để phát sinh. Tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay, thời gian tu tập điều thiện thì ít mà thời gian gây tạo việc ác thì nhiều. Do đó, pháp thiện dù có gặp duyên mạnh mẽ mà cũng khó có thể sinh trưởng, pháp ác dù gặp một ít duyên bên ngoài tác động nhưng có thể bùng phát dữ dội.

Kinh: “Lại như chiếc gương tròn là duyên khởi hiện ảnh tượng của trí chứ không phải là nơi làm mờ tối tính chất ảnh tượng. Trí Đại viên cảnh của Như Lai cũng vậy, là duyên khởi hiện trí ảnh của chúng sinh, chứ không phải là nơi ưa xấu ác ngu muội, vì những thứ ấy không phải là pháp khí”.

Luận: Như duyên bên ngoài gây chướng ngại, khiến cho ảnh của trí không phát sinh. Tập quán ưa việc hung dữ từ kiếp trước là duyên bên trong, bị vô minh đen tối che khuất cho nên ảnh của trí không khởi hiện.

Những người ưa chuộng việc ác, tuy tất cả phiền não như tham lam-giận dữ..., đều bùng cháy rất mãnh liệt, nhưng nặng nề nhất là si mê. Vì không nhận biết tường tận về sự kiện thiện ác-nhân quả-hơn kém, không biết trong thế gian hiện có chánh pháp của chư Phật, luôn đem lại lợi ích yên vui cho tất cả chúng sinh. Thừa ruộng rất tốt là Tam bảo luôn sinh trưởng vô lượng công đức phước thiện cho tất cả thế gian và xuất thế gian. Nhưng họ không muốn nghe pháp và tiếp nhận giáo pháp, không thích quay về nương tựa. Ngược lại, họ ham nghe pháp tà vạy của ngoại đạo, không lợi ích, không yên vui, nương tựa vào đó làm tăng trưởng và chuốc lấy mọi nỗi khổ não do vô lượng nghiệp ác của các tà thần, há không phải là do sức ngăn che của vô minh tối tăm hay sao? Vì vậy, che lấp điều thiện thì vô minh là nặng nhất, cho nên cần phải siêng năng tu tập trí tuệ sáng suốt. Vô minh nặng nề không phải là căn khí tốt.

Kinh: “Lại như chiếc gương tròn là duyên khởi hiện tính chất ảnh

tượng chứ không phải là nơi chốn cách xa. Như vậy, trí Đại viên cảnh của Như Lai là duyên khởi hiện trí ảnh của chúng sinh-không phải là nơi chốn tạo pháp bất tịnh, chiêu cảm sự thiếu thốn chánh pháp của chúng sinh bất tín vì các loại đó không phải là pháp khí”.

Luận: Do sức mạnh nơi chướng ngại của hai duyên trong ngoài như vậy, cho nên ảnh của trí không phát sinh.

1. Do nghiệp tạo từ đời trước đã chiêu cảm đến sự thiếu thốn giáo pháp cho nên khiến trong rất nhiều thời kỳ không được nghe chánh pháp. Nghĩa là trong đời trước đã hủy báng chánh pháp. Do nghiệp chướng này, cho nên trải qua vô lượng kiếp không được nghe pháp của Phật. Bởi vì không nghe chánh pháp của chư Phật, là chướng của quả nghiệp kia. Ảnh tượng của trí kia không được nảy sinh bởi vì không được nghe chánh pháp. Tự thể của ảnh-trí kia đã không có thì làm sao có thể gọi là hủy báng chánh pháp? Quả báo thế nào? Có thể tạo chướng ngại, có thể nảy sinh ảnh tượng của trí, không nói là chúng sinh kia không nghe chánh pháp là quả báo, là chướng ngại. Nhưng nói là do chúng sinh chiêu cảm đến sự thiếu thốn giáo pháp mà có tình trạng đó, cho nên không thể nghe nhận chánh pháp. Thân tâm ngu si đần độn, không đủ các căn... là quả báo, là chướng ngại.

2. Do không tin tưởng, là không có chủng tánh, không có pháp Niết-bàn, không ưa Niết-bàn, không có chủng tử của Thánh đạo xuất thế gian. Đối với sự chứng ngộ Chân như, còn có chướng cuối cùng. Khi nghe pháp xuất thế đều không tin tưởng tiếp nhận, hoàn toàn không chứng được Niết-bàn của ba Thừa. Như vậy, tất cả thân tâm nối tiếp nhau đều không thanh tịnh, vì không phải là pháp khí của bậc Thánh, cho nên tạm thời hoàn toàn không phát sinh ảnh - trí của công đức xuất thế gian. Ví như nước vẫn đục như nhớt, không thể lộ bày hình bóng của trăng. Gương trí cũng vậy, ai không tin tưởng thì ảnh tượng của trí không thể phát sinh.

Như vậy, nói giản lược về Trí Đại viên cảnh gồm có chín loại tướng thù thắng. Còn lại những trí khác, nghĩa là tướng huẩn từ, tướng không phân biệt, tướng chướng ngại thanh tịnh, tướng dựa vào nhân duyên phát sinh trí ảnh, tướng không có ngã sở-không có gì thân nhận, tướng không quên tất cả các cảnh đã nhận biết, tướng luôn luôn khắp mọi nơi phát sinh trí ảnh, tướng có năng lực phát sinh Nhất thiết căn bản, tướng đối với hạng không phải là pháp khí thì không có năng lực phát sinh.

Ở đây có ba loại không phải là pháp khí của bậc Thánh:

1. Gần gũi tri thức không tốt, nghe pháp không chân chánh, tạm thời có chướng ngại, không phải là pháp khí của bậc Thánh.

2. Vì bị chướng ngại do phiền não, si mê, không phải là pháp khí của bậc Thánh.

3. Vì bị chướng ngại do nghiệp chướng rất nặng và không có chủng tử của Thánh đạo xuất thế, qua thời gian lâu dài đến cuối cùng không phải là pháp khí của bậc Thánh.

Ba loại như vậy gọi chung là tướng đối với hạng không phải là pháp khí thì không có năng lực phát sinh, thuộc tướng thứ chín.

Kinh: “Lại nữa, này Bồ-tát Diệu sinh! Trí bình đẳng tánh là do mười loại tướng thành tựu viên mãn”.

Luận: Trí bình đẳng tánh do mười loại tướng thành tựu viên mãn, nên biết mười tướng này chính là quả tu chứng của mười địa.

Nói tóm lược, trong mỗi mỗi địa đều chứng ngộ một tánh bình đẳng, tu tập thành tựu viên mãn trí bình đẳng tánh của Phật địa. Vì vậy mà nói trí Bình đẳng tánh là do mười loại tướng thành tựu viên mãn.

Nếu nói rộng, thì trong mỗi mỗi địa đều chứng ngộ vô lượng pháp tánh bình đẳng, tu tập thành tựu viên mãn trí Bình đẳng tánh của Phật địa.

Kinh: “Chứng được các tướng tăng thêm sự vui mừng-yêu thích, thành tựu viên mãn pháp tánh bình đẳng”.

Luận: Các tướng, tức là các tướng của bậc Đại sĩ và các tướng hảo tùy thuộc sai biệt, đều gọi là tướng. Các tướng như vậy xa lìa tự tánh của biến kế sở chấp cho nên gọi là bình đẳng.

Khế Kinh: Các tướng của bậc Đại sĩ, Như Lai đã nói bởi vì không phải là tướng, vì vậy nói là các tướng của bậc Đại sĩ.

Tăng thượng là giàu sang, tự tại. Các uẩn như sắc... đều riêng biệt, đều không phải là sự giàu sang tự tại. Hòa hợp cũng không phải là giàu sang tự tại, bởi vì tính chất riêng biệt của chúng. Các pháp khi hòa hợp thì không buông bỏ tự tánh. Nếu rời tự tánh này, thì không thật có Bồ-đặc-già-la. Do đó tất cả sự giàu sang, tự tại, đều xa lìa tự tánh của biến kế sở chấp, cho nên gọi là bình đẳng.

Khế kinh nói: Bạch Thế Tôn! Hôm nay con đã hiểu rõ, tất cả vì Vô ngã cho nên không có giàu, không có nghèo.

Vui mừng-yêu thích, là sự vui mừng mến yêu hiện có do sức của biến kế. Tùy thuận với pháp yêu mến kia thì phát sinh hoan hỷ, trái ngược với pháp yêu mến thì cảm thấy buồn rầu lo lắng. Vì các pháp trong biến kế sở chấp đã không có, thì đối với tất cả sự vui mừng-yêu

mến trong biến kế sở chấp cũng không có cho nên gọi là hiểu rõ về bình đẳng.

Như vậy, đã nói về các tướng tăng thêm sự vui mừng-yêu mến đối với pháp tánh bình đẳng, gọi là chứng được địa thứ nhất. Bồ-tát lần đầu tiên chứng đắc pháp tánh bình đẳng này, dùng phương tiện tu tập dần dần trong các địa nối tiếp, khiến được lớn mạnh thêm, sau cùng đến Phật địa thì thành tựu viên mãn. Từ đây về sau không còn tăng trưởng. Do sự chứng ngộ được thành tựu viên mãn cho nên trí Bình đẳng tánh mới được thành tựu viên mãn.

Sự thành tựu viên mãn ở đây, đối với xứ thứ ba thì nói là sự biến chuyển thứ năm, còn tất cả cho nên nói là do nghĩa thành tựu viên mãn, lời nói giống nhau cùng một loại tương ứng cho nên nói như vậy.

Kinh: “Chứng được pháp tánh bình đẳng viên mãn, thành tựu tất cả sự lãnh thọ-duyên khởi”.

Luận: Duyên khởi có hai; nghĩa là trong và ngoài. Duyên khởi bên trong nghĩa là mười hai chi Hữu như vô minh... Duyên khởi bên ngoài nghĩa là tất cả sự vật bên ngoài như hạt giống-mầm...

Trong thì nên dùng pháp quán sát về hành tướng thuận nghịch của hai phần tạp nhiễm mà thanh tịnh. Ngoài thì cho nên dùng pháp quán sát các hành tướng, vì cái này có cái kia có, vì cái này sinh mà cái kia sinh. Nghĩa là vì những chủng tử có cho nên những chủng tử sinh, những mầm non có được cho nên những mầm non sinh được. Hai duyên khởi này tất cả đều vì có nhân cho nên có quả. Vì nhân sinh cho nên quả sinh. Nghĩa không có tác dụng là nghĩa của duyên khởi. Nghĩa Không-Vô ngã, nghĩa không có Bồ-đặc-già-la là nghĩa của duyên khởi.

Tự tướng của các nghĩa duyên khởi như vậy là những gì đã được lãnh thọ cho nên gọi là lãnh thọ. Hoặc giả nhờ hữu tình có thể lãnh thọ cho nên gọi là lãnh thọ.

Các pháp duyên khởi là những gì đã được lãnh thọ. Tất cả duyên khởi lãnh thọ như vậy, vì không có tác dụng, vì Không-Vô ngã, vì không có Bồ-đặc-già-la, xa lìa tự tánh của biến kế sở chấp, gọi là hiểu rõ về bình đẳng.

Như vậy, đã nói về sự lãnh thọ tất cả duyên khởi trong pháp tánh bình đẳng, cho nên gọi là chứng đắc. Do sự chứng đắc này, theo như trước tu tập thành tựu viên mãn, cho nên trí Bình đẳng tánh thành tựu viên mãn.

Pháp tánh bình đẳng duyên khởi như vậy tức là pháp tánh bình đẳng của tất cả pháp. Như nói với Phạm chí, tất cả pháp tánh tức là

pháp tánh duyên sinh-duyên khởi. Giác ngộ đạo lý này cho nên gọi là Bồ-đề. Như Đức Phật đã nhận thấy tất cả pháp tánh như vậy, tức là pháp tánh duyên khởi.

Lại như Khế Kinh: Không nhận thấy có một chút pháp nào xa lìa tánh duyên khởi. Pháp tánh bình đẳng duyên khởi trong này gọi là tánh duyên khởi. Dựa vào mật ý này mà nói lời như vậy: Nếu thấy duyên khởi thì thấy pháp tánh, nếu thấy pháp tánh thì thấy chư Phật.

Thật tánh của duyên khởi tức là nghĩa thù thắng về Pháp và nghĩa thù thắng về Phật.

Pháp tánh bình đẳng đối với tất cả mọi nơi, đều không có gì sai biệt cho nên nói lời này.

Kinh: “Chứng được sự xa lìa dị tướng-không phải là tướng, thì pháp tánh bình đẳng thành tựu viên mãn”.

Luận: Vì tướng của các pháp như sắc..., không giống nhau mà đổi thay, tan hoại..., cho nên gọi là dị tướng. Xa lìa dị tướng với những gì riêng biệt như vậy, tức là tướng chung.

Tướng chung như vậy lấy gì làm tướng? Lấy không phải là tướng (Phi tướng) làm tướng. Như Khế Kinh: Hết thấy pháp tánh chỉ có một tướng, đó là không phải tướng, không phải tướng (Phi tướng) tức là pháp tánh bình đẳng.

Hiểu rõ về biến kế sở chấp như vậy, tất cả pháp tánh cuối cùng và vĩnh viễn không có pháp tánh bình đẳng, cho nên gọi là chứng đắc.

Do sự chứng đắc này, theo như trước, tu tập thành tựu viên mãn, cho nên trí Bình đẳng tánh thành tựu viên mãn.

Lại có thuyết: Xa lìa dị tướng tức là không có tướng. Xa lìa không phải tướng (Phi tướng) tức là không có tướng không có. Không có và không có cái không có thì gọi là tánh bình đẳng. Ngoài ra như trước đã nói.

Kinh: “Với tâm Đại Từ cứu giúp rộng rãi, cho nên pháp tánh bình đẳng thành tựu viên mãn”.

Luận: Từ có ba loại:

1. Từ duyên với hữu tình.
2. Từ duyên với pháp.
3. Từ vô duyên.

Các Bồ-tát ở phần vị mới phát tâm, phần nhiều đều tu tập tâm Từ duyên với hữu tình, đa số là hữu lậu, bởi vì chọn cảnh giới hữu vi của thế tục. Các Bồ-tát ở phần vị tu tập hạnh chân chánh, phần nhiều đều tu tập tâm Từ duyên với pháp, cũng đa số là hữu lậu.

Do lấy giáo pháp Đại thừa làm cảnh giới tu tập, cho nên các Bồ-tát..., chứng được Nhẫn vô sinh, phần nhiều đều tu tập tâm Từ không duyên. Tuy có duyên đã được duyên là pháp giới, ví như các pháp dị thực như mắt..., không hề có phân biệt, không tạo tác gia hành mà tùy ý chuyển biến tự nhiên, cho nên gọi là vô duyên. Trí Bình đẳng tánh tương ứng với tâm Từ vĩ đại.

Hoặc có thuyết nói: Chỉ duyên với pháp giới đã được duyên nhưng vĩnh viễn không có phân biệt. Vì không duyên với hữu tình và các pháp cho nên gọi là tâm Từ vô duyên.

Lại có thuyết nói: Cũng duyên với các pháp.

Về nghĩa như thật: Cũng duyên với hữu tình, nhưng không có phân biệt, hành tướng đều bình đẳng, biết rõ tất cả đều là giả lập. Vì tánh của hữu tình bình đẳng, vì duyên sinh cùng pháp tánh bình đẳng, vì tánh Chân như Vô ngã bình đẳng cho nên gọi là trí bình đẳng. Trí này tương ứng đến cảnh đã được duyên có đủ ba tâm Từ, chỉ là hạnh bình đẳng chứ không phân biệt, cho nên nói là vô duyên.

Trí bình đẳng tánh trong Như Lai địa tương ứng với tâm Từ vĩ đại, các tướng thành tựu viên mãn cho nên đều luôn luôn hiện hành. Đức Như Lai đã vốn có tâm Từ vĩ đại vô duyên, còn lại hai tâm Từ không nói đến mà tự nhiên thành tựu. Do ba tâm Từ này mà Đức Như Lai cứu độ bình đẳng cho tất cả hữu tình, không những ban vui đối với thiểu số chúng sinh, mà còn chuyển biến phổ cập các pháp Vô ngã cho hết thấy hữu tình trở thành tánh Chân như bình đẳng. Vì luôn luôn hiện hành cứu độ tất cả cho nên gọi là tâm Từ vĩ đại, không phải như Thanh văn và hàng phàm phu..., chỉ tạm thời chuyển vận việc làm ban vui một phần ít, chứ không có khả năng cứu độ tất cả hữu tình.

Vì hơn hẳn tất cả hàng Thanh văn..., vì cứu độ tất cả các hữu tình, trong suốt thời gian dài đã tích tụ tư lương phước-tuệ, mà được thành tựu viên mãn, cho nên gọi là sự cứu giúp rộng lớn.

Như vậy, đã nói về hạnh cứu giúp rộng lớn với tâm Từ vĩ đại trùm khắp tất cả mọi nơi, chuyển vận không hề sai biệt, cho nên gọi là bình đẳng, và chính sự bình đẳng này được gọi là pháp tánh. Hoặc giả đã nói tâm Từ vĩ đại cứu giúp rộng lớn, lấy pháp tánh bình đẳng làm sở duyên, căn cứ vào cảnh cho nên gọi là pháp tánh bình đẳng. Nhờ tâm Từ vĩ đại này, theo như trước tu tập thành tựu viên mãn cho nên trí Bình đẳng tánh thành tựu viên mãn.

Kinh: “Tâm Đại Bi không đối đãi cho nên pháp tánh bình đẳng thành tựu viên mãn”.

Luận: Tâm Bi của hàng Thanh văn..., không có thể cứu vớt tất cả hữu tình, chỉ duyên với một phần hành tướng của cõi Dục mà tạm thời chuyển biến. Tâm Bi vĩ đại của Như Lai có năng lực cứu độ trùm khắp tất cả hữu tình, duyên suốt cả ba cõi, trùm khắp mọi hành tướng và luôn luôn mà chuyển biến.

Nói không đối đãi là không hề quán sát đối đãi mà luôn luôn cứu độ, không lìa bỏ, nghĩa là không có gì đối đãi mà tùy theo sự thích ứng của chúng sinh để cứu giúp thoát khỏi ba khổ, đối với mọi hữu tình đau khổ vẫn luôn luôn dùng tâm Bi chuyển hóa chứ không rời bỏ. Giống như Trưởng giả thương yêu con một, đối với các hữu tình đều vận chuyển bình đẳng, vì cảnh giới hữu tình không có giới hạn. Lúc hữu tình thành thực không tạm thời dừng bỏ, hữu tình được thành thực nhưng tâm Bi chưa từng có lúc sai lạc.

Đức Như Lai thường xuyên tương ứng với tâm Bi vĩ đại, không thể nói là tạm thời khởi hiện hay tạm thời vận chuyển. Như kinh nói: Thiện nam! Không cho nên nói rằng chư Phật Thế Tôn hiện có tâm Bi vĩ đại, đối với các hữu tình tạm thời khởi hiện, tạm thời vận chuyển. Vì sao? Vì tâm Đại Bi ấy luôn vận chuyển mãi.

Tâm Đại Bi của chư Phật, Thế Tôn trùm khắp cho đến những kẻ không có căn cơ, chưa thiết lập thiện căn và chung cuộc không chứng ngộ được Bồ-đề Vô thượng. Đức Như Lai sau khi chứng được Bồ-đề, luôn cảm nghĩ như vậy: Ta sẽ an lập các thiện căn vốn có cho hết thấy hữu tình. Nếu có ai chưa giác ngộ được tất cả các pháp, thì Ta sẽ khai ngộ cho họ.

Đức Như Lai đã thường xuyên khởi tâm Bi vĩ đại đối với các hữu tình như vậy, cho đến nói rộng, như Khế Kinh: Suốt ngày đêm, Như Lai luôn luôn quán sát thế gian trong sáu thời, tại sao hôm nay mới nói tâm Bi vĩ đại luôn luôn vận chuyển? Đây là nói tác dụng trong sáu thời luôn luôn tương tục kéo dài không gián đoạn, cho nên không hề trái ngược nhau.

Tâm Từ vĩ đại và tâm Bi vĩ đại, lấy thiện căn không giận-không gây tổn hại-không si mê làm tự tánh, còn hành tướng ban vui-cứu khổ thì có khác nhau, đều có đủ ba loại duyên với hữu tình...

Từ là không giận, Bi là không hại. Từ thì duyên với không an vui mà mong ban cho niềm vui. Bi thì duyên với có đau khổ mà mong cứu vớt nỗi khổ đó. Còn tâm Đại Bi không đối đãi với sự vận chuyển không sai biệt, cho nên gọi là bình đẳng.

Đây chính là pháp tánh, hoặc duyên với pháp tánh bình đẳng làm

cảnh. Nhờ tâm Đại Bi này theo như trước tu tập thành tựu viên mãn cho nên trí Bình đẳng tánh thành tựu viên mãn.

Kinh: “Tùy theo những gì các chúng sinh ưa thích, Như Lai thị hiện pháp tánh bình đẳng thành tựu viên mãn”.

Luận: Tùy theo các hữu tình thích trông thấy sự sai biệt về sắc thân của Đức Như Lai, Như Lai sẽ thị hiện sắc thân như vậy.

Tuy ở quả vị không hý luận, do năng lực tăng thượng của trí bình đẳng, trí Đại viên cảnh tương ưng với Thức thanh tịnh mà Đức Như Lai biến hiện sắc thân vi diệu như lưu ly..., khiến thiện căn của các hữu tình đều được thành thực. Tự tâm Biến hiện thân tướng như vậy, nghĩa là ngoài tự tâm được trông thấy thân Như Lai, như Khế Kinh: Do năng lực thiện căn trong tâm Từ của các Như Lai đã thị hiện, khiến cho tự tâm của hàng trời-người..., biến đổi khác nhau mà được trông thấy thân Như Lai như sắc vàng ròng ...

Lại như Kinh: Nếu sự ứng hóa vì vô lượng hữu tình, cần trông thấy sắc thân quý báu như lưu ly-mạ-đi, thì Như Lai có năng lực vô ngại thị hiện các loại sắc tướng quý báu như lưu ly-mạ-đi, khiến cho tự tâm của hữu tình đó cũng biến hiện như vậy, cho đến nói rộng.

Như vậy, thị hiện tất cả hình tướng bình đẳng của Như Lai. Bình đẳng như vậy chính là pháp tánh. Vì thế cho nên gọi là pháp tánh bình đẳng. Nghĩa là tùy theo hữu tình được hóa độ ưa trông thấy hình tướng-sắc thân, các Như Lai đều lập tức thị hiện hình tướng cùng một xứ sở-cùng một thời gian-cùng một chủng loại, khiến cho tự tâm họ biến hiện ra việc làm lợi ích an vui như vậy.

Như chủng tử đã thành thực tướng chung trong thức A-lại-da của các hữu tình, tất cả đều biến hiện ra tướng của thế giới..., cùng chung một chỗ, giống như nhau mà không ngăn ngại nhau.

Đây cũng như vậy. Như tướng nơi sắc thân của Như Lai, các việc khác cũng vậy. Nhờ sự thị hiện này theo như trước tu tập thành tựu viên mãn, cho nên trí Bình đẳng tánh thành tựu viên mãn.

Kinh: “Tất cả chúng sinh cung kính tiếp nhận những pháp Như lai thuyết giảng, cho nên pháp tánh bình đẳng thành tựu viên mãn”.

Luận: Nếu có chủng loại ngữ nghiệp như vậy, thì có năng lực làm cho thiện căn của hữu tình được thành thực. Nghe xong đều cảm thấy hoan hỷ vì được niềm vui tin tưởng thanh tịnh.

Đức Như Lai đã thị hiện ngữ nghiệp như vậy, làm cho hữu tình đều được nghe. Tuy không hý luận phân biệt nhưng do năng lực của tâm Bi và thệ nguyện, cho nên Như Lai thị hiện như vậy, đã giáo hóa

hữu tình bằng sức mạnh thắng giải của mình mà biến hiện khác lạ như vậy, nghĩa là ngoài tự tâm họ nghe được tiếng nói của Phật. Đức Như Lai đã nói bằng tất cả ngôn ngữ thích hợp với mọi căn cơ trình độ, các hàng người-trời... đều không có gì trái nghịch, cho nên nói là cung kính tiếp nhận. Nếu không phù hợp với căn cơ thì Như Lai không thị hiện, cho nên lời nói của chư Phật không hoang phí. Tuy có chúng sinh không vâng theo lời Phật dạy, nhưng đây là Như Lai hóa hiện, hoặc sẽ có lợi ích, về sau nhất định phải tin tưởng tiếp nhận.

Nói một cách tổng quát thì tất cả chúng sinh đều tỏ lòng tôn kính và tiếp nhận lời Phật đã giảng dạy. Lời nói như vậy là do đạo lý trước chư Phật cùng hóa hiện, cho nên gọi là bình đẳng. Bình đẳng như vậy, thì gọi là pháp tánh. Nhờ sự thị hiện, này theo như trước tu tập thành tựu viên mãn, cho nên trí Bình đẳng tánh thành tựu viên mãn.

Kinh: “Trạng thái vắng lặng yên tĩnh của thế gian đều chung một vị, cho nên pháp tánh bình đẳng thành tựu viên mãn”.

Luận: Năm uẩn hữu lậu gọi là thế gian, từng niệm từng niệm đối trị với hai loại hư hoại, chính là sự diệt hủ của năm uẩn gọi là sự tĩnh lặng. Do đó, ở ngay trong năm uẩn này mà tĩnh lặng, chính là Thánh đạo và tánh Y tha khởi của Niết-bàn. Sự tĩnh lặng của thế gian cùng trở về với Chân như, vì tánh viên thành thật cho nên gọi là một vị.

Lại nữa, thế gian là biến kế sở chấp, nhưng tánh căn bản này không còn, cho nên gọi là tĩnh lặng. Trạng thái tĩnh lặng như vậy đã làm sáng tỏ Chân như không hề sai biệt cho nên gọi là một vị. Đây chính là pháp tánh bình đẳng. Do một vị này, như trước tu tập thành tựu viên mãn, cho nên trí Bình đẳng tánh thành tựu viên mãn.

Kinh: “Các pháp khổ-vui của thế gian đều chung một vị, cho nên pháp tánh bình đẳng thành tựu viên mãn”.

Các pháp thế gian nói giản lược có tám loại:

1. Lợi.
2. Suy.
3. Chê bai.
4. Đề cao.
5. Khen ngợi.
6. Chế nhạo.
7. Khổ.
8. Vui.

Việc được vừa ý gọi là lợi. Việc không vừa ý gọi là suy. Không bài bác trước mặt gọi là chê bai. Không ca ngợi trước mặt gọi là đề cao.

Ca ngợi trước mặt gọi là khen ngợi. Bài bác trước mặt gọi là chế nhạo. Thúc bách-bức não thân tâm gọi là khổ. Thân tâm vừa ý thích thú gọi là vui.

Tám loại như vậy tổng quát có hai loại: Bốn điều trái nghịch gọi là khổ, bốn điều thuận lòng gọi là vui, vì nó nảy sinh sự hân hoan hay buồn bã. Hoặc nói giản lược, trong ấy sau cùng khổ-vui là một đôi, nhưng bậc Thánh ở trong đó luôn luôn là một vị, được lợi, không cho là cao, gặp suy không cho là thấp. Như vậy cho đến dù khổ mà không giận dữ, dù vui mà không yêu thích. Như Khế Kinh: Bậc Thánh ở trong thế gian đều bình đẳng một vị giống như hư không. Còn hàng phàm phu ngu muội sống trong thế gian luôn chấp có sai biệt. Vì Thánh nhân đã xa lìa biến kế sở chấp, đối với tám pháp của thế gian trong tất cả mọi nơi đều chung một vị. Chính điều này gọi là pháp tánh bình đẳng. Nhờ một vị này theo như trước tu tập thành tựu viên mãn, cho nên trí Bình đẳng tánh thành tựu viên mãn.

Kinh: “Tu tập gieo trồng vô lượng công đức đến cứu cánh, cho nên pháp tánh bình đẳng, thành tựu viên mãn”.

Luận: Công đức tức là các pháp công đức của ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề... Huân tập chủng tử, nuôi lớn thành thực giải thoát gọi là tu tập gieo trồng. Trí Bình đẳng tánh tuy không phân biệt, nhưng do diệu lực tăng thượng của trí Phật và Bồ-tát, như hạt châu như ý, khiến cho công đức trong thân khác được sinh trưởng thành thực giải thoát.

Nói cứu cánh, là vì có thể chứng đắc Niết-bàn của ba Thừa. Đã khiến được giải thoát, khiến được niềm vui thế gian, không nói mà tự nhiên thành tựu trí như vậy, gọi là pháp tánh bình đẳng, vì đã xa lìa tánh biến kế sở chấp. Hoặc các Bồ-tát đã tu tập, gieo trồng công đức thù thắng của vô lượng phần pháp Bồ-đề... cho đến cứu cánh, thì điều này gọi là pháp tánh bình đẳng. Nhờ công đức này theo như trước tu tập thành tựu viên mãn, cho nên trí Bình đẳng tánh thành tựu viên mãn.

Kinh: “Lại nữa, này Bồ-tát Diệu Sinh! Trí Diệu quán sát ấy...”.

Luận: Dựa vào mười loại nhân cho nên biết! Phân biệt về trí Diệu quán sát có mười loại nhân:

1. Nhân kiến lập.
2. Nhân sinh khởi.
3. Nhân hoan hỷ.
4. Nhân phân biệt.
5. Nhân thọ dụng.
6. Nhân sai biệt về cõi

7. Nhân sai biệt về cảnh giới.
8. Nhân rười cơn mưa pháp vĩ đại.
9. Nhân hàng phục oán địch.
10. Nhân đoạn trừ tất cả nghi ngờ.

Kinh: “Ví như vậy giới duy trì cảnh giới của chúng sinh. Như vậy, trí Diệu quán sát của Như Lai tùy ý duy trì tất cả môn Đà-la-ni, môn Tam-ma-địa và biện tài vô ngại là các pháp nhiệm mầu của chư Phật”.

Luận: Trong đoạn kinh này Như Lai chỉ rõ về tướng của nhân kiến lập. Ví như vậy giới duy trì cảnh giới của chúng sinh; như tự tâm của các hữu tình mà biến hiện tướng của các thế giới như bên dưới phong luân..., có thể duy trì tự tâm mà biến hiện tất cả cảnh giới của các hữu tình như mắt...

Như vậy, trí Diệu quán sát của Như Lai có năng lực duy trì tất cả các môn Đà-la-ni, nói rộng cho đến các pháp nhiệm mầu của chư Phật, vì tương ứng với các môn ấy và có thể dẫn khởi.

Đà-la-ni: Niệm tuệ tăng thượng, có thể tùy ý giữ gìn tổng quát về vô lượng pháp Phật, khiến cho không quên mất. Ở trong một pháp duy trì tất cả pháp, trong một lời văn bao hàm tất cả lời văn, trong một nghĩa chứa đựng tất cả nghĩa, thâm nhiếp gìn giữ vô lượng các công đức cho nên gọi là vô tận tạng.

Đà-la-ni này nói tóm lược có bốn loại:

1. Đà-la-ni pháp.
2. Đà-la-ni nghĩa.
3. Đà-la-ni chú.

4. Đà-la-ni có thể chứng được nhãn của Bồ-tát. Như trong Luận Du Già nói rộng về tướng của Nhãn đó.

Làm thế nào chỉ trong một pháp..., mà có thể tùy ý duy trì được tất cả các pháp...? Nghĩa là với diệu lực không thể nghĩ bàn của chư Phật và Bồ-tát khiến cho Niệm tuệ tăng thượng, ở trong một pháp tương thuộc tướng phần của tự tâm hiện ra tất cả các pháp. Văn nghĩa cũng như vậy.

Lại có khả năng thị hiện pháp môn công đức vô lượng vô tận. Vì tự thể của kiến phần cũng đầy đủ vô biên công năng thù thắng, tùy ý duy trì tất cả khiến cho không quên mất. Với diệu lực của Niệm tuệ không thể nghĩ bàn như vậy, gọi là Đà-la-ni.

Tam-ma-địa: Nghĩa là Định tăng thượng tức là hành trì mạnh mẽ các Tam-ma-địa có khả năng hơn hẳn các Tam-ma-địa của tất cả thế

gian-xuất thế gian. Vì các Tam-ma-địa khác không thể hơn cho nên gọi là hành trì mạnh mẽ.

Lại nữa, Phật và Bồ-tát là những bậc hành hóa dũng mãnh, cho nên gọi là hành trì mạnh mẽ. Chỉ có Bồ-tát địa thứ mười và Phật mới chứng được định này. Các Tam-ma-địa khác tùy theo kinh mà nói, thuận theo để giải thích tên của các định, thì Đà-la-ni và Tam-ma-địa, đều gọi là Môn, như ba môn Không-Vô nguyện, vô tướng, vì có năng lực phát sinh thông suốt vô lượng đức, cùng loại và khác loại.

Vô ngại biện thuyết, tức là bốn vô ngại Pháp-Nghĩa-Từ-Biện. Do bốn loại này có khả năng biện luận, giảng diễn về pháp nhiệm mầu cho chúng sinh cho nên gọi là biện thuyết. Pháp nhiệm mầu của chư Phật tức là vô lượng pháp Phật như mười lực, bốn pháp Vô úy của Như Lai..., nói tất cả hoặc nói từng pháp một.

Trí Diệu quán sát chuyển từ ý thức đạt được tác dụng rộng lớn, có thể tùy ý gìn giữ tất cả công đức. Thức thứ sáu là Ý thức tương ứng với trí này, tương ứng với hết thảy công đức và có khả năng dẫn phát các công đức cho nên gọi là có thể tùy ý gìn giữ.

Kinh: “Lại như thế giới là nhân duyên của thức làm cho các chúng sinh lập tức hiện khởi tất cả các loại với vô lượng tướng.

Như vậy, trí Diệu quán sát của Như Lai có thể làm nhân duyên của thức lập tức hiện khởi tất cả các loại với vô lượng tướng đã được nhận biết không ngăn ngại trong diệu trí.”

Luận: Trong này chỉ rõ về tướng của nhân sinh khởi. Trí Diệu quán sát có khả năng làm nhân cho thức lập tức hiện khởi tất cả các tướng đã được nhận biết. Thế giới tức là các khí thế gian. Như khí thế gian có thể làm nhân phát sinh nơi thức của chúng sinh về vô lượng tướng trong hư không và trên các lục địa.

Như vậy, trí Diệu quán sát của Như Lai, trong một thời gian lập tức hưởng về tất cả cảnh giới, giống như trong hư không có thể hiểu rõ không ngăn ngại, có thể làm nhân sinh ra thức tướng của tất cả các loại thế gian và vô lượng cảnh giới đã được duyên của xuất thế gian. Nghĩa này ý nói: Trí Diệu quán sát của tất cả Như Lai có năng lực lập tức biết rõ tất cả các cảnh giới, giống như cảnh giới đã được nhận biết có rất nhiều tướng, như dùng màu sắc hoa ra cảnh sắc có các loại tướng. Thế của trí nơi kiến phần có khả năng làm nhân sinh ra tướng thức như vậy. Cái này có thể hiện bày cái kia, cho nên nói là nhân phát sinh, chứ không phải là nhân tự mình sinh ra, mà từ chủng tử sinh ra. Đây tức là nhân của duyên cho nên gọi nhân duyên.

Do kiến phần khởi hiện tướng phần, hoặc từ Thể phát sinh Dụng. Tuy không có Thể khác mà vì không như nhau cho nên cũng được làm nhân, như từ tướng phần sinh ra kiến phần. Đây cũng như vậy.

Kinh: “Lại như thế giới có nhiều loại có thể ngắm nhìn, như vườn-rừng-ao..., mà trang nghiêm cho thế giới thật đáng yêu thích. Như vậy, trí Diệu quán sát của Như Lai, với các loại có thể ngắm nhìn, như Ba-la-mật-đa, pháp phần Bồ-đề, mười lực-pháp vô úy, các pháp bất cộng mà trang nghiêm, thật đáng yêu thích”.

Luận: Trong này chỉ rõ về tướng của nhân hoan hỷ. Như các loại có thể ngắm nhìn của khí thế gian như vườn-rừng-ao..., trang sức đan xen hàng hàng lớp lớp, với ánh sáng rực rỡ uy nghiêm, khiến cho các hữu tình đều cảm thấy hoan hỷ yêu thích.

Như vậy, trí Diệu quán sát của Như Lai, đủ các loại có thể ngắm nhìn như Ba-la-mật-đa, pháp phần Bồ-đề..., được trang sức hiện bày đan xen với hào quang uy nghiêm rực rỡ, làm cho các Bồ-tát đều hoan hỷ yêu thích.

Ba-la-mật-đa nói giản lược có sáu loại, nghĩa là bố thí..., hoặc chia ra thành mười, tức là thêm vào bốn loại như Phương tiện khéo léo... Hoặc lại mở rộng làm thành tám vạn bốn ngàn, như kinh đã nói đầy đủ. Nếu phân biệt riêng lẻ thì số Ba-la-mật là vô lượng.

Pháp phần Bồ-đề nêu tóm lược có ba mươi bảy, nói rộng cũng là vô lượng. Nói mười lực nghĩa là trí lực xứ, phi xứ..., thuộc về mắt tuệ trong thân Như Lai và cụ tri căn. Nói không sợ hãi là bốn loại vô úy, do năm căn thâm nhiếp và cụ tri căn tức là năm căn như Tín... Pháp bất cộng của Phật có mười tám loại như đã nói rộng trong kinh.

Công đức như vậy, phần nhiều thuộc về trí này thâm nhiếp, tương ưng và có thể dẫn phát. Vì vậy, tất cả mọi điều trang nghiêm nhờ vào trí này.

Kinh: “Lại như vậy giới có cõn đảo, mặt trời, mặt trăng, trời Tứ Thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đổ-sử-đa, trời Lạc-biến-hóa, trời Tha-hóa-tự-tại, trời Phạm thân... uy nghi đẹp đẽ đan xen hàng hàng lớp lớp.

Như vậy, trí Diệu quán sát của Như Lai, đối với nhân quả thịnh suy của thế gian và xuất thế gian, hàng Thanh văn-Độc giác và Bồ-tát tu chứng viên mãn trọn vẹn đều quán sát sự uy nghiêm mẫu nhiệm đan xen vào nhau”.

Luận: Trong này chỉ rõ về tướng nhân phân biệt. Như khí thế gian có vô lượng châu báu..., trang sức giao xen đẹp đẽ không lẫn lộn. Châu,

nghĩa là bốn châu lớn, như châu Thiệm-bộ... Bãi, nghĩa là tám bãi nhỏ như Già-mạt-la...

Lược nêu về mặt trời, mặt trăng là thân nhiếp các vì sao. Trời Tứ Thiên vương nghĩa là đều an trú bốn phía thuộc tầng thứ tư trên núi Diệu cao.

Trời Ba mươi ba, nghĩa là bốn phía trên đỉnh núi này, mỗi phía có tám Đế thích đại Thiên vương cư trú trong đó, cho nên có số lượng ấy.

Trời Dạ-ma, nghĩa là trong cõi trời này, thọ hưởng mọi diệu lạc đều tùy theo thời gian, cho nên gọi là Thời phần.

Trời Đổ Sứ Đa, là thân cuối cùng của Bồ-tát giáo hóa ở đó, đa số đều tu tập pháp hỷ tức cho nên gọi là Hỷ tức.

Trời Lạc-biến-hóa, là vui với sự biến hóa của mình làm ra những nhạc cụ để tự mình vui đùa tùy thích.

Trời Tha-hóa-tự-tại; thích làm cho người khác biến hóa tạo ra những nhạc cụ, biểu hiện sự tự tại của mình.

Trời Phạm Thân, vì xa lìa dục vọng vắng lặng yên tĩnh, cho nên gọi là Phạm. Thân là nhiều đẳng là cùng chọn lấy các cõi trời trên đây.

Như vậy, trí Diệu quán sát của Như Lai có thể quán sát trùm khắp tất cả nhân quả thịnh suy của thế gian và xuất thế gian. Ba Thừa tu chứng viên mãn, trang trí vi diệu đan xen lẫn nhau không hề tạp loạn.

Nhân quả của cõi ác gọi là sự suy vi của thế gian. Nhân quả của cõi thiện, gọi là sự hưng thịnh của thế gian.

Lại nữa, thế gian tan hoại và thế gian thành lập, theo thứ tự như vậy gọi là suy-thịnh.

Lại nữa, tổn giảm gọi là suy, tăng trưởng gọi là thịnh. Nhân quả của Nhị thừa gọi là sự suy yếu của xuất thế gian. Nhân quả của Đại thừa gọi là sự hưng thịnh của xuất thế gian.

Lại nữa, lùi lại gọi là suy, tiến tới gọi là thịnh.

Nói chứng ngộ viên mãn, tức là quả vị. Ba Thừa trước gọi là hiển bày quả vị của nhân.

Lại nữa, chứng ngộ viên mãn, là chỉ nói về quả vị Phật.

Trí Diệu quán sát, quán sát pháp tướng dị biệt của các pháp này. Trí như cảnh đó, hành tướng không xen tạp mà hiển hiện rõ ràng. Vì vậy nói là trang trí vi diệu, đan xen lẫn nhau.

